

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 2114/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2019  
của UBND huyện Đức Phổ**

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: ..... 108.65.....
	Ngày: 27/11/18.....
	Chuyên: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ tại Đề án số 3302/ĐA-UBND ngày 12/10/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2172/SNV ngày 25/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2019 của UBND huyện Đức Phổ.

**Điều 2.** Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

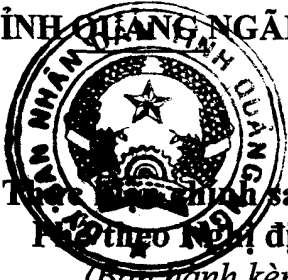
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: PCVP(NC), CBTH;
- Lưu: VT, NC, v1927.





**ĐỀ ÁN**

Thực hiện Nghị quyết sách tinh giản biên chế năm 2019 của UBND huyện Đức Phổ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ (Ban hành kèm theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 27/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**Phần I**

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC  
TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

**I. Đặc điểm tình hình:**

Đức Phổ là huyện đồng bằng, ven biển nằm ở phía nam tỉnh Quảng Ngãi, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng 45km; phía Bắc giáp huyện Mộ Đức, Tây giáp huyện Ba Tơ, Nam giáp huyện Hoài Nhơn và huyện An Lão (tỉnh Bình Định), Đông giáp biển đông; tổng diện tích tự nhiên 37.167ha; có 15 đơn vị hành chính cấp xã (14 xã, 01 thị trấn). Về phân loại đơn vị hành chính: cấp huyện loại II; cấp xã: có 05 xã loại I, có 08 xã loại II, có 02 xã loại III.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, cơ cấu bộ máy của UBND huyện bao gồm 12 cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu cho UBND huyện về quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực; các đơn vị sự nghiệp phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và có 15 đơn vị hành chính cấp xã.

Tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện gồm:

**1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện**

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

**2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Khối hành chính gồm 12 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- Thanh tra;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Y tế;

- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch.

*b) Các tổ chức sự nghiệp thuộc UBND huyện:*

- Trạm Khuyến nông;
- Đài Truyền thanh;
- Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất.

*\* Sự nghiệp giáo dục và đào tạo:*

- 15 trường mầm non;
- 14 trường tiểu học;
- 12 trường trung học cơ sở;
- 03 trường TH&THCS;
- 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – GDTX.

*d) Đơn vị hành chính cấp xã: Gồm 14 xã và 01 thị trấn.*

## **II. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc tinh giản biên chế**

### **1. Mục đích và yêu cầu:**

a) Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tinh, gọn, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **2. Nguyên tắc tinh giản biên chế:**

a) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

b) Không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; không áp dụng chính sách tinh giản biên chế đối với những người vì lý do cá nhân xin được vận dụng chính sách tinh giản biên chế;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị từng cấp phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị mình quản lý theo thẩm quyền.

## **Phần II**

### **CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

## **Phần III**

### **TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

**I. Thực trạng biên chế, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện:**

**1. Về thực trạng biên chế:**

*a) Biên chế hành chính:*

Tổng biên chế hành chính được giao là 85 chỉ tiêu, đến nay đã thực hiện 76 biên chế. Trong đó lãnh đạo Thường trực HĐND, các Ban của HĐND huyện và lãnh đạo UBND huyện 05 biên chế, công chức các phòng, ban trực thuộc là 71 biên chế, cụ thể:

- |   |              |
|---|--------------|
| - Thường trực HĐND:                       | 01 biên chế; |
| - Ban của HĐND (Ban Pháp chế, Ban KT-XH): | 02 biên chế; |
| - Lãnh đạo UBND:                          | 02 biên chế; |
| - Văn phòng HĐND và UBND:                 | 13 biên chế; |
| - Phòng Tài chính – Kế hoạch:             | 08 biên chế; |
| - Phòng Tài nguyên và Môi trường:         | 08 biên chế; |

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 06 biên chế;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo: 05 biên chế;
- Phòng Y tế: 02 biên chế;
- Phòng Văn hóa và Thông tin: 02 biên chế;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng: 08 biên chế;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 06 biên chế;
- Phòng Tư pháp: 04 biên chế;
- Thanh tra: 03 biên chế;
- Phòng Nội vụ: 06 biên chế;

*b) Biên chế sự nghiệp:*

Tổng biên chế sự nghiệp được giao 1.602 chỉ tiêu, đến nay đã thực hiện được 1.355 biên chế, trong đó:

- + Sự nghiệp Văn hóa – Thông tin: 09 biên chế;
- + Sự nghiệp Y tế: 03 biên chế;
- + Sự nghiệp khác: 20 biên chế;
- + Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 1.323 biên chế;

\* Hợp đồng lao động theo Nghị định 68 có 05 người.

*c) Cán bộ, công chức cấp xã:*

Số lượng biên chế được giao là 351. Đến nay đã thực hiện 302 biên chế.

**2. Về trình độ chuyên môn:**

*a) Khối hành chính:*

Tổng số cán bộ, công chức hiện có là 76 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 14 người, chiếm tỷ lệ 18,42%;
- + Đại học: 61 người, chiếm tỷ lệ 80,26%;
- + Cao đẳng: 01 người, chiếm tỷ lệ 1,32%;

*b) Khối sự nghiệp*

Tổng số viên chức hiện có là 1.355 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 08 người, chiếm tỷ lệ 0,6%;
- + Đại học: 672 người, chiếm tỷ lệ 49,59%;
- + Cao đẳng: 512 người, chiếm tỷ lệ 37,78%;
- + Trung cấp: 163 người, chiếm tỷ lệ 12,03%;

*c) Khối xã, thị trấn:*

- Cán bộ hiện có là 154 người, trong đó:

- + Thạc sĩ: 02 người, tỷ lệ 1,3%;
- + Đại học: 103 người, tỷ lệ 66,88%;
- + Cao đẳng: 02 người, tỷ lệ 1,3%;
- + Trung cấp: 40 người, tỷ lệ 25,97%;
- + Chưa qua đào tạo: 07 người, tỷ lệ 4,55%.
- Công chức hiện có là 148 người, trong đó:
  - + Đại học: 84 người, tỷ lệ 55,76%;
  - + Cao đẳng: 09 người, tỷ lệ 6,08%;
  - + Trung cấp: 54 người, tỷ lệ 36,49%.
  - + Sơ cấp: 01 người, tỷ lệ 0,67%.

## **II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ**

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được quan quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được quan quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

### **III. KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ**

Căn cứ vào thực trạng về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và định hướng kế hoạch cho các năm tiếp theo; Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và có kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2019, có 29 viên chức đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

*(có danh sách kèm theo)*

### **IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TÌNH GIẢN**

UBND huyện Đức Phổ được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới viên chức theo quy định.

#### **Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Đức Phổ có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương mình, báo cáo cho UBND tỉnh *(qua Sở Nội vụ)*.

---



DANH SÁCH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2019 CỦA UBND HUYỆN ĐỨC PHỐ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20/11/2014 CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện theo Quyết định số 2114 /QĐ-UBND ngày 27/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Lý do tình giản biên chế
	<b>KHOI SỰ NGHIỆP</b>							
	<b>Nghi hưu trước tuổi</b>							
	<i>Trường Tiểu học Phố Vinh</i>							
1	Nguyễn Tiến Ân	04/4/1964	Trung cấp	Giáo viên	35 năm 9 tháng	55 tuổi 01 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
	<i>Trường Tiểu học Phố Nhơn</i>							
2	Huỳnh Đào	08/3/1961	Cao đẳng	Giáo viên	37 năm 04 tháng	57 tuổi 9 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
	<i>Trường Tiểu học Phố Phong</i>							
3	Nguyễn Thị Vang	30/12/1966	Cao đẳng	Giáo viên	32 năm 04 tháng	52 tuổi	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
4	Đoàn Thị Thanh Nga	08/10/1967	Cao đẳng	Giáo viên	30 năm 01 tháng	51 tuổi 02 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
<i>Trường Tiểu học Phó Thuận</i>								
5	Nguyễn Văn Long	08/10/1963	Trung cấp	Giáo viên	37 năm 02 tháng	55 tuổi 02 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
6	Huỳnh Thị Xanh	20/11/1967	Trung cấp	Giáo viên	30 năm 04 tháng	51 tuổi 01 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
7	Võ Thị Thu Hà	17/8/1967	Trung cấp	Giáo viên	32 năm 04 tháng	51 tuổi 04 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
<i>Trường Tiểu học Phó Văn</i>								
8	Nguyễn Văn Tám	06/6/1962	Trung cấp	Giáo viên	24 năm 01 tháng	56 tuổi 11 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
9	Lê Văn Minh	10/3/1962	Cao đẳng	Giáo viên	36 năm 09 tháng	57 tuổi 02 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
10	Nguyễn Thị Thúy	10/3/1968	Cao đẳng	Giáo viên, Khối trưởng	29 năm 08 tháng	51 tuổi 02 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường Tiểu học Phó An								
11	Nguyễn Phong Sương	10/10/1962	Trung cấp	Giáo viên	38 năm 04 tháng	56 tuổi 02 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
12	Huỳnh Đăng Túc	14/4/1964	Trung cấp	Giáo viên	32 năm 08 tháng	55 tuổi 01 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường Tiểu học Phó Quang								
13	Huỳnh Tấn Nhanh	12/6/1962	Trung cấp	Giáo viên	38 năm 4 tháng	56 tuổi 6 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
14	Trần Thanh Bản	20/5/1963	Trung cấp	Giáo viên	36 năm 4 tháng	55 tuổi 7 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
15	Lê Thị Nga	20/4/1966	Trung cấp	Giáo viên	30 năm 4 tháng	52 tuổi 8 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
16	Trần Thị Lệ Hoạch	02/02/1967	Trung cấp	Giáo viên	32 năm 4 tháng	51 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
<i>Trường TH&amp;THCS Phố Châu</i>								
17	Nguyễn Ri	10/11/1963	Trung cấp	Thư viện	34 năm 4 tháng	55 tuổi	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
18	Nguyễn Tấn Việt	17/9/1961	Đại học	Nguyên Hiệu trưởng Trường THCS Phố Châu	36 năm 04 tháng	57 tuổi 3 tháng	01/01/2019	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (sáp nhập Trường TH Phố Châu và Trường THCS Phố Châu thành Trường TH&THCS Phố Châu) (có 02 năm phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế năng lực)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
19	Lê Duy Hiền	10/5/1963	Cao đẳng	Giáo viên	36 năm	55 tuổi 7 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường THCS Phố Thạnh								
20	Nguyễn Trí Dũng	08/02/1963	Đại học	Giáo viên	33 năm 5 tháng	55 tuổi 11 tháng	01/02/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường THCS Phố Nhơn								
21	Nguyễn Bá Tuyền	06/3/1962	Đại học	Giáo viên	33 năm 8 tháng	56 tuổi 9 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường THCS Phố Ninh								
22	Trần Văn Thành	01/01/1961	Cao đẳng	Giáo viên	36 năm 4 tháng	57 tuổi 11 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường THCS Phố An								
23	Phạm Thành Chung	10/9/1962	Đại học	Hiệu trưởng	35 năm 4 tháng	56 tuổi 03 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực nhưng không thể bố trí việc làm khác phù

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
24	Huỳnh Văn Chương	02/02/1964	Cao đẳng	Giáo viên	33 năm 7 tháng	55 tuổi	01/3/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
25	Huỳnh Toàn	07/6/1963	Cao đẳng	Giáo viên	33 năm 5 tháng	55 tuổi 7 tháng	01/02/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
Trường THCS Phó Quang								
26	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	14/01/1967	Cao đẳng	Giáo viên	29 năm 9 tháng	52 tuổi 4 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
27	Nguyễn Ngọc Tín	11/02/1962	Cao đẳng	Giáo viên	34 năm 4 tháng	56 tuổi 10 tháng	01/01/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp
28	Huỳnh Thị Thu Hà	06/5/1968	Cao đẳng	Giáo viên	28 năm 2 tháng	51 tuổi	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời điểm tinh giản biên chế	Lý do tinh giản biên chế
29	Huỳnh Thị Thu	06/4/1967	Cao đẳng	Giáo viên	29 năm 7 tháng	52 tuổi 01 tháng	01/6/2019	Có 02 năm liên tiếp liên kê tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp

(Danh sách này có 29 người)